

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8340101

NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng là một chương trình đào tạo thuộc ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế nhằm mục đích giúp người học cập nhật, bổ sung kiến thức, cải thiện kỹ năng quản trị kinh doanh. Qua đó, người học nâng cao năng lực điều hành, hiệu suất làm việc ở vị trí quản lý, đáp ứng tốt hơn với vị trí việc làm hiện tại và tương lai. Với trên 10 khóa đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Thương mại bắt đầu được đào tạo từ 2012 đến nay với quy mô từ 150 – 250 học viên/năm. Định kỳ chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được cập nhật, cải tiến định kỳ theo chu kỳ 2-2,5 năm/lần và sau 5 năm sẽ có đợt đánh giá tổng thể đối với chương trình

Trong lần rà soát, cải tiến năm 2024, chương trình đào tạo đã có một số điều chỉnh sau:

(1) Rà soát các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các học phần trong chương trình đào tạo.

(2) Cập nhật đề cương học phần (cập nhật nội dung, tài liệu tham khảo)

2. Thông tin chung

NGÀNH ĐÀO TẠO :	QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ NGÀNH :	8340101
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO	ỨNG DỤNG
THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	1,5 - 2 NĂM
SỐ TÍN CHỈ:	60
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN	VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO:	TIẾNG VIỆT
WEBSITE	https://quantrikinhdoanh.tmu.edu.vn/

3. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng và nâng cao vị thế của Việt Nam.

Tầm nhìn: Đến năm 2040 trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng đổi mới sáng tạo, hội nhập và phát triển bền vững trong khu vực Châu Á.

4. Mục tiêu giáo dục của Trường

Tạo dựng môi trường giáo dục trách nhiệm, chính sách giáo dục đa dạng giúp người học trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách, có khát vọng vươn lên; khẳng định thương hiệu TMU trên nền tảng giá trị cốt lõi Truyền thống - Trách nhiệm - Sáng tạo.

5. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh giúp người học có kiến thức chuyên sâu và mang tính ứng dụng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và thành thạo các kỹ năng chuyên môn quản trị kinh doanh, vận dụng các kiến thức quản trị để giải quyết hiệu quả các vấn đề của thực tiễn kinh doanh trong điều kiện môi trường kinh doanh đa dạng và phức tạp. Giúp người học có điều kiện trở thành các nhà quản trị chuyên nghiệp trong tổ chức/doanh nghiệp. Đồng thời, người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cập nhật và mở rộng các kiến thức chuyên sâu và mang tính ứng dụng về quản trị kinh doanh và vận dụng kiến thức trong các tình huống thực tiễn kinh doanh.

+ Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề thực tiễn của kinh doanh và quản trị.

+ Nâng cao khả năng độc lập, tự chủ, chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh.

6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Kiến thức	PLO1	Phân tích các kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý trong nghiên cứu và thực hành quản trị kinh doanh.
	PLO2	Đánh giá các kiến thức chuyên sâu quản trị kinh doanh trong thực hành quản trị kinh doanh.
Kỹ năng	PLO3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn như phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh và kế hoạch tác nghiệp để giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh doanh.
	PLO4	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiên cứu, khai thác dữ liệu để áp dụng trong nhận diện và giải quyết vấn đề phức tạp liên quan tới quản trị kinh doanh trong thực tiễn;
	PLO5	Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền đạt và thảo luận các vấn đề liên quan tới quản trị kinh doanh trong thực tiễn.

PLO	Mã PLOs	Mô tả
Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO6	Đáp ứng được yêu cầu tự chủ, độc lập và sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức.
	PLO7	Đáp ứng được yêu cầu tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong kinh doanh và quản trị.
Ngoại ngữ	PLO8	Học viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

7. Vị trí làm việc và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

7.1 Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt

- Nhà quản trị các cấp, cố vấn kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;
- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.
- Tự khởi sự kinh doanh

7.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;
- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị kinh doanh.
- Các loại hình cơ sở đào tạo

8. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước
- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9. Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

9.1. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh. Danh mục ngành phù hợp được quy định ở Phụ lục 01. Quy định cụ thể đối với văn bằng như sau:

+ Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành nhóm 1 (ngành đúng, ngành gần hoặc các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường ĐHTM cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT của ngành đăng ký dự tuyển) thì được dự tuyển ngay và không phải học bổ sung kiến thức.

+ Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành thuộc nhóm 2 (phải học bổ sung) chỉ được dự tuyển nếu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển và hoàn thành việc học bổ sung kiến thức 5 học phần (03 học phần cơ sở ngành và 02 học phần ngành) trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành

đăng ký dự tuyển tương ứng.

- Nội dung cụ thể về bổ sung kiến thức (danh mục ngành phù hợp; tên môn, hình thức học, điều kiện bảo lưu môn học,...) được Trường quy định cụ thể trước khi tuyển sinh.

9.2 Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

9.3. Điều kiện tốt nghiệp: Được công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành đầy đủ các học phần và bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp và có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

10. Phương pháp giảng dạy và học tập

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học

TT	Phương pháp dạy-học	Mã PP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1	Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình	DH1	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	DH2	x	x	x	x	x	x	x	
3	Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	DH3	x	x	x	x	x	x	X	
4	Phương pháp thảo luận	DH4	x	x	x	x	x	x	X	x
5	Phương pháp tranh luận/phản biện	DH5	x	x	x	x	x	x	X	x
6	Phương pháp làm việc nhóm	DH6	x	x	x	x	x	x	X	x
8	Phương pháp làm việc 1-1	DH7	x	x	x	x	x	x	X	
9	Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế	DH8	x	x	x	x	x	x	X	

11. Phương pháp đánh giá

Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh cũng sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng. Với mỗi môn học, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận nhóm, điểm thi hết học phần. Để đảm bảo đánh giá chính xác quá trình học tập của người học, mỗi học phần đều xây dựng Rubrics để đánh giá từng loại điểm.

Bảng 2: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá

PLO	Phương pháp đánh giá	Công cụ
PLO kiến thức		
PLO1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận /Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO kỹ năng		
PLO3	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO4	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO5	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO6	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận /Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO7	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận / Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO8	Kiểm tra chuẩn đầu ra	Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường

12. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang chữ

13. Ma trận giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

PLOs	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
PLO1	Triết học	Kinh tế vĩ mô			DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận
		Quản trị sự thay đổi			DH2	
		Quản trị nhân lực			DH3	
		Quản trị tài chính nâng cao			DH4	
		Luật kinh tế nâng cao			DH5	
		Quản lý Nhà nước về kinh tế			DH6	
		Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp			DH7	
		Chuyên đề thực tế 1			DH8	
PLO2		Lãnh đạo và quản lý	Quản trị bán hàng		DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
			Quản trị vận hành		DH2	
			Quản trị công ty		DH3	
			Kế toán quản trị nâng cao		DH4	
			Chuyên đề thực tế 2		DH5	
			Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp		DH6	
			Quản trị dịch vụ nâng cao		DH7	

PLOs	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
			Quản trị dự án đầu tư			
			Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp			
			Quản trị quan hệ khách hàng			
			Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp			
			Chiến lược chuỗi cung ứng			
			Quản trị thị trường chiến lược			
			Quan hệ lao động			
			Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội			
			Quản trị rủi ro tài chính			
			Kế toán quản trị nâng cao			
PLO3		Quản trị chiến lược	Quản trị bán hàng	Báo cáo thực tế	DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận
			Quản trị vận hành	Đề án tốt nghiệp	DH2	
			Quản trị công ty		DH3	

PLOs	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
					DH4 DH5 DH6 DH7 DH8	
PLO4	Phương pháp nghiên cứu khoa học			Báo cáo thực tế	DH1 DH2 DH3	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận
	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet			Đề án tốt nghiệp	DH4 DH5 DH6 DH7 DH8	
PLO5		Kinh tế vĩ mô	Quản trị bán hàng		DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận
		Lãnh đạo và quản lý	Quản trị vận hành		DH2	
		Quản trị chiến lược	Quản trị công ty		DH3	
		Quản trị nhân lực	Quản trị dịch vụ nâng cao		DH4	
		Quản trị tài chính nâng cao	Quản trị dự án đầu tư		DH5	

PLOs	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
			Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp		DH6 DH7 DH8	
			Quản trị quan hệ khách hàng			
			Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp			
			Chiến lược chuỗi cung ứng			
			Quản trị thị trường chiến lược			
			Quan hệ lao động			
			Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội			
			Quản trị rủi ro tài chính			
PLO6			Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	Báo cáo thực tế	DH1 DH2 DH3 DH4 DH5	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận /Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp
			Quản trị dự án đầu tư	Đề án tốt nghiệp		

PLOs	Khối kiến thức chung	Khối kiến thức ngành	Khối kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức tốt nghiệp	Phương pháp giảng dạy và học tập	Phương pháp đánh giá
					DH6 DH7 DH8	
PLO7		Quản trị sự thay đổi			DH1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận
		Chuyên đề thực tế 1	Chuyên đề thực tế 2	Báo cáo thực tế	DH2	
				Đề án tốt nghiệp	DH3 DH4 DH5 DH6 DH7 DH8	
PLO8	Tiếng anh tăng cường				DH1 DH4 DH5 DH6	Đạt chuẩn đầu ra bậc 4/6 trong khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Bảng 1. Khung chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC CHUNG		11	
1	Triết học	THNC0118	4	42,36
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH0218	2	20,20
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	TKTT0318	2	0,60
4	Tiếng Anh tăng cường	TATC0418	3	30,30
2	KIẾN THỨC NGÀNH		14	
2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6	
1	Kinh tế vĩ mô	KIVM0418	2	20,20
2	Lãnh đạo và quản lý	LĐQL0918	2	20,20
3	Quản trị chiến lược	QUCL0618	2	20,20
2.2	<i>Các học phần tự chọn</i> <i>(chọn 3 trong 6 học phần sau)</i>		6	
1	Quản trị sự thay đổi	QSTĐ0728		20,20
2	Quản trị nhân lực	QUNL1028		20,20
3	Quản trị tài chính nâng cao	QTTC0728		20,20
4	Luật kinh tế nâng cao	LUKT0318		20,20
5	Quản lý Nhà nước về kinh tế	QLNN0518		20,20
6	Ứng dụng TMDT trong doanh nghiệp			20,20
2.3	<i>Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)</i>	CDQT1318	2	0,0,30
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		20	
3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6	
1	Quản trị bán hàng	QTBH1318	2	20,20
2	Quản trị vận hành	QTVH1528	2	20,20
3	Quản trị công ty	QTCT1518	2	20,20
3.2	<i>Các học phần tự chọn</i> <i>(chọn 6 trong 12 học phần)</i>		12	
1	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	DMST1628	2	20,20
2	Quản trị dịch vụ nâng cao	QTDV1828	2	20,20
3	Quản trị dự án đầu tư	QTDA1018	2	20,20

4	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	QCDN1928	2	20,20
5	Quản trị quan hệ khách hàng	QHKH1728	2	20,20
6	Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	QTTH1428	2	20,20
7	Chiến lược chuỗi cung ứng	CLCU08281	2	20,20
8	Quản trị thị trường chiến lược	TTCL1018	2	20,20
9	Quan hệ lao động	QHLĐ1218	2	20,20
10	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	TNXH2528	2	20,20
11	Quản trị rủi ro tài chính	QTRR1118	2	20,20
12	Kế toán quản trị nâng cao	KTQT1018	2	20,20
3.3	Chuyên đề thực tế 2 (Kiến thức chuyên ngành)	CDQT2918	2	0,0,30
4	THỰC TẬP		6	0,180
5	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9	0,270

2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Học phần	Kỳ học (dự kiến)	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết
	1. KIẾN THỨC CHUNG		11	
1	Triết học	1	4	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	2	
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	1	2	
4	Tiếng Anh tăng cường	3	3	
	2. KIẾN THỨC NGÀNH		14	
	2.1. Các học phần bắt buộc		6	
5	Kinh tế vĩ mô	1	2	
6	Lãnh đạo và quản lý	1	2	
7	Quản trị chiến lược	1	2	
	2.2. Các học phần tự chọn (chọn 3 trong số 6 học phần sau)		6	
8	Quản trị sự thay đổi	1	2	
9	Quản trị nhân lực	1	2	

STT	Học phần	Kỳ học (dự kiến)	Số tín chỉ	Mã HP tiền quyết
10	Quản trị tài chính nâng cao	1	2	
11	Luật kinh tế nâng cao	1	2	
12	Quản lý Nhà nước về kinh tế	1	2	
13	Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp	1	2	
14	2.3. Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)	1	2	
	3. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		20	
	3.1. Các học phần bắt buộc		6	
15	Quản trị bán hàng	2	2	
16	Quản trị vận hành	2	2	
17	Quản trị công ty	2	2	
	3.2. Các học phần tự chọn (chọn 6 trong số 12 học phần)		12	
18	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	2	2	
19	Quản trị dịch vụ nâng cao	2	2	
20	Quản trị dự án đầu tư	2	2	
21	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	2	2	
22	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	
23	Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	2	2	
24	Chiến lược chuỗi cung ứng	2	2	
25	Quản trị thị trường chiến lược	2	2	
26	Quan hệ lao động	2	2	
27	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	2	2	
28	Quản trị rủi ro tài chính	3	2	
29	Kế toán quản trị nâng cao	3	2	
30	3.3. Chuyên đề thực tế 2 (Kiến thức chuyên ngành)	3	2	
31	4. THỰC TẬP	2	6	
32	5. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	4	9	

3. Ma trận đáp ứng giữa chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 3 : Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

CĐR Học phần	Mã HP	Số TC	PLO kiến thức		PLO kỹ năng			PLO mức độ tự chủ, trách nhiệm		PLO ngoại ngữ
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
KIẾN THỨC CHUNG										
Triết học	THNC0118		M,A							
Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH0218					M,A				
Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng internet	TKTT0318					M,A				
Tiếng Anh	TATC0418									R
KIẾN THỨC NGÀNH										
<i>Các học phần bắt buộc</i>										
Kinh tế vĩ mô	KIVM0418		M,A				M			
Lãnh đạo và quản lý	LĐQL0918			M			M,A			
Quản trị chiến lược	QUCL0618				M,A		M			
<i>Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần sau)</i>										
Quản trị sự thay đổi	QSTĐ0728		R						R	
Quản trị nhân lực	QUNL1028		R				R			
Quản trị tài chính nâng cao	QTTC0728		R				R			
Luật kinh tế nâng cao	LUKT0318		R							
Quản lý Nhà nước về kinh tế	QLNN0518		R							
Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp	UDĐT1528		R							
<i>Chuyên đề thực tế 1 (kiến thức ngành)</i>			M						M	
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH										
<i>Các học phần bắt buộc</i>										
Quản trị bán hàng	QTBH1318			M,A	M		M			
Quản trị vận hành	QTVH1528			M,	M,A		M			
Quản trị công ty	QTCT1518			M	M		M,A			
<i>Các học phần tự chọn (chọn 6 trong 12 học phần)</i>										
Đổi mới, sáng tạo và khởi	DMST1628			R				R		

CDR Học phần	Mã HP	Số TC	PLO kiến thức		PLO kỹ năng			PLO mức độ tự chủ, trách nhiệm		PLO ngoại ngữ
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
ngành										
Quản trị dịch vụ nâng cao	QTDV1828			R			R			
Quản trị dự án đầu tư	QTDA1018			R			R	R		
Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	QCDN1928			R			R			
Quản trị quan hệ khách hàng	QHKH1728			R			R			
Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	QTTH1428			R			R			
Chiến lược chuỗi cung ứng	CLCU08281			R			R			
Quản trị thị trường chiến lược	TTCL1018			R			R			
Quan hệ lao động	QHLĐ1218			R			R			
Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	TNXH2528			R			R			
Quản trị rủi ro tài chính	QTRR1118			R			R			
Kế toán quản trị nâng cao	KTQT1018			R						
<i>Chuyên đề thực tế 2 (Kiến thức chuyên ngành)</i>	CDQT2918			M					M	
THỰC TẬP					M	M		M,A	M,A	
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP					M	M		M,A	M,A	

4. Mô tả các học phần

Bảng 4. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học	Học phần Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, cách thức thiết kế và tổng quan nghiên cứu, hiểu được các vấn đề liên quan tới đạo đức trong nghiên cứu, nắm được cách thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp trong nghiên cứu khoa học, cách thức phân tích dữ liệu định tính và định lượng, nắm được cấu trúc, hình thức và văn phong sử dụng trong báo cáo khoa học, cũng như cách thức thuyết trình kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học và một số quy định về trình bày báo cáo khoa học.
3	Thực hành tìm kiếm thông tin trên mạng Internet	Học phần cung cấp các kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng tìm kiếm thông tin trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng các loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Bing, Facebook Graph Search, Facebook Trend như: Social Baker, Statista.
4	Tiếng Anh tăng cường	Học phần củng cố các hiện tượng ngữ pháp như thời của động từ, câu điều kiện, động từ tình thái, câu bị động, so sánh, mệnh đề quan hệ...; mở rộng vốn từ vựng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như phong cách sống, nghệ thuật, khoa học, kiến thức...; phát triển các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết trong các ngữ cảnh khác nhau như trao đổi về dự án, thảo luận về các thách thức trong cuộc sống, mô tả tính năng của mạng xã hội...bằng tiếng Anh; cải thiện kỹ năng thuyết trình, làm việc theo nhóm và giải quyết vấn đề.

5	Kinh tế vĩ mô	Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm ứng dụng những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để phân tích các vấn đề trong nền kinh tế hiện nay. Học phần bắt đầu từ những phân tích về bản chất của những thành tố quan trọng của GDP đến lý giải về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn, đồng thời phân tích tác động của những chính sách vĩ mô trong nền kinh tế đóng và mở. Cuối cùng là việc áp dụng phân tích chính sách kinh tế vĩ mô trên thực tế nhằm giải quyết các bất ổn kinh tế thường thấy ở các nước đang phát triển như thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại, lạm phát, suy thoái kinh tế trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa.
6	Lãnh đạo và quản lý	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về lãnh đạo và quản lý với các nội dung như: tổng quan về lãnh đạo và quản lý; vị trí, vai trò và năng lực của nhà lãnh đạo, nhà quản lý trong tổ chức; các nội dung lãnh đạo và quản lý ở cả góc độ nghiên cứu và ứng dụng thực tế.
7	Quản trị chiến lược	Trên cơ sở những nguyên lý cơ bản của quản trị chiến lược, học phần cung cấp những kiến thức hiện đại nâng cao và cập nhật về quản trị chiến lược hướng tới phát triển chiến lược kinh doanh (CLKD) trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay với 4 chương.
8	Quản trị sự thay đổi	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị sự thay đổi với các nội dung: các hình thức và mức độ của sự thay đổi, bản chất và sự cần thiết của quản trị sự thay đổi, nội dung quản trị sự thay đổi, vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi.
9	Quản trị nhân lực	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: chiến lược nguồn nhân lực, thiết kế và phân tích công việc, sử dụng và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và một số xu hướng quản trị nhân lực hiện đại.
10	Quản trị tài chính nâng cao	Nội dung của học phần Quản trị tài chính nâng cao bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về Quản trị tài chính nâng cao; Phân tích tài chính nâng cao; Quyết định đầu tư trong điều kiện bất định; Quyết định cấu trúc vốn và tối ưu hóa giá trị gia tăng của doanh nghiệp.

11	Luật kinh tế nâng cao	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cập nhật và kỹ năng thực tiễn về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế của Việt Nam. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường đại học Thương mại. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về cơ cấu tổ chức, quản lý của các loại hình công ty, về giao kết và thực hiện hợp đồng trong hoạt động thương mại cụ thể, về những phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo, nhằm giúp học viên có kiến thức và kỹ năng thực tiễn về pháp luật kinh tế.
12	Quản lý Nhà nước về kinh tế	Học phần cung cấp những lý thuyết nâng cao về quản lý nhà nước đối với kinh tế, trong đó đi sâu và nghiên cứu gắn với thực tiễn những nội dung, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và đối với các doanh nghiệp nhà nước, một số ngành và lĩnh vực kinh tế chủ chốt ở Việt Nam hiện nay. Là học phần chưa được nghiên cứu có tính hệ thống và chuyên sâu ở trình độ đào tạo đại học, học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành khác, làm cơ sở cho việc tiếp cận những học phần chuyên ngành thuộc các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ khối kinh tế.
13	Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp	Học phần Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về thương mại điện tử và những kiến thức nâng cao cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh và kinh doanh thương mại trường đại học Thương mại.
14	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng (sales management) đề cập tới quá trình hoạch định, tổ chức và kiểm soát bán hàng để đạt được các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung Tổng quan về quản trị bán hàng; Hoạch định và kiểm soát bán hàng; Tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng; Tạo động lực cho lực lượng bán hàng; và Quản trị dịch vụ khách hàng.

15	Quản trị vận hành	Quản trị vận hành (operations management) đề cập tới việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quá trình vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Học phần đề cập tới các nội dung nâng cao của quản trị vận hành bao gồm: Tổng quan về quản trị vận hành; Thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quy trình vận hành; Bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ; Lý thuyết xếp hàng trong vận hành quy trình dịch vụ và Ứng dụng 6 sigma và công cụ solver trong quản trị vận hành.
16	Quản trị công ty	Học phần bao gồm 4 chương như sau: Chương 1: Một số khái niệm cơ bản và các lý thuyết về quản trị công ty; Chương 2: Nhận dạng và phân tích các yếu tố tác động đến quản trị công ty; Chương 3: Hoạch định hệ thống quản trị công ty; và Chương 4: Đánh giá quản trị công ty.
17	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (Innovation and entrepreneurship) có mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ và thái độ đúng về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về đổi mới, sáng tạo; tổng quan về khởi nghiệp sáng tạo; khởi tạo ý tưởng kinh doanh sáng tạo; mô hình kinh doanh sáng tạo; Huy động vốn cho khởi nghiệp sáng tạo.
18	Quản trị dịch vụ nâng cao	Học phần Quản trị dịch vụ nâng cao là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Kinh doanh thương mại, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính Ngân hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Trường Đại học Thương mại. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng nâng cao về chiến lược dịch vụ; hệ thống cung cấp và cơ sở hỗ trợ dịch vụ; phương pháp xác định vị trí cơ sở dịch vụ và quản trị dự án dịch vụ.
19	Quản trị dự án đầu tư	Học phần Quản trị dự án đầu tư đề cập tới các nội dung cốt lõi và nâng cao về quản trị dự án đầu tư, bao gồm Lập dự án, phân tích và ra quyết định về đầu tư; Quản trị ba nội dung cơ bản của dự án đầu tư là tiến độ dự án, chi phí dự án và chất lượng dự án; Giám sát dự án và sử dụng phần mềm MS Project, Excel trong Quản trị dự án đầu tư.

20	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp	Quản trị chất lượng ứng dụng trong doanh nghiệp thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành của các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Với kết cấu bốn chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và chuyên sâu cũng như các quan điểm, các phương pháp và công cụ hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng, bao gồm: Các xu hướng kinh doanh hiện đại tác động tới quản trị chất lượng, các xu hướng thay đổi trong quan điểm tiếp cận về chất lượng và các phương pháp quản trị chất lượng hiện đại; Các khía cạnh và công cụ để triển khai quản trị chất lượng trong doanh nghiệp như: Quản trị chất lượng sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp; Quản trị chất lượng các hoạt động tác nghiệp như quản lý nguồn nhân lực, thông tin, mối quan hệ nhà cung cấp và khách hàng, môi trường nội bộ và văn hóa doanh nghiệp; Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Qua đó, người học cũng được rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong suốt quá trình nghiên cứu học phần như: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá các khía cạnh chất lượng trong tổ chức; kỹ năng sử dụng một số công cụ chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,...
21	Quản trị quan hệ khách hàng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để xây dựng và triển khai các bước của hoạt động quản trị quan hệ của một công ty với khách hàng các bên có liên quan trong hoạt động kinh doanh nhằm phát triển các khách hàng trung thành và phát triển bán hàng tự động đạt được mục tiêu là nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên cơ sở khách hàng trung thành.
22	Quản trị thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao về quản trị đối với thương hiệu sản phẩm, nhóm sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp, đặc biệt là từ góc độ tư duy chiến lược. Các nội dung chủ yếu của học phần gồm: Kiến trúc thương hiệu, đo lường liên kết thương hiệu, phát triển thương hiệu doanh nghiệp, phát triển chiến lược thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong phát triển thương hiệu, đo lường sức mạnh thương hiệu và xác định giá trị thương hiệu ...).

23	Chiến lược chuỗi cung ứng	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức mở rộng và nâng cao về chuỗi cung ứng và chiến lược chuỗi cung ứng. Học phần Chiến lược chuỗi cung ứng có cấu trúc 4 chương, tập trung vào những nội dung cơ bản như hệ thống hóa các chuỗi cung ứng cũng như cung cấp một tầm nhìn chiến lược về mục tiêu và lợi ích khi quản lý kinh doanh theo các phương pháp hiện đại; đồng thời, đi sâu vào các quyết định quản lý các chiến lược chức năng thượng nguồn và hạ nguồn, với mong muốn giải quyết triệt để và thông suốt các nỗ lực trong toàn bộ chuỗi cung ứng đầu cuối; cho phép học viên có thể so sánh, lựa chọn, xây dựng và chủ động triển khai các loại hình chiến lược chuỗi cung ứng khác nhau tại doanh nghiệp, phù hợp với các điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay.
24	Quản trị thị trường chiến lược	Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức hiện đại và cập nhật về quản trị thị trường chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh hội kinh doanh hiện đại. Học phần được kết cấu theo 04 chương nội dung: Chương 1 giới thiệu tổng quan về quản trị thị trường chiến lược, mô hình quản trị thị trường chiến lược của doanh nghiệp và một số xu hướng quản trị thị trường chiến lược. Chương 2 tập trung phân tích tình thế thị trường chiến lược bao gồm phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh, thị trường, môi trường vĩ mô và môi trường nội bộ của doanh nghiệp; Chương 3 nghiên cứu các quyết định lựa chọn và định vị thị trường chiến lược của doanh nghiệp; Chương 4 đề cập đến các lựa chọn đáp ứng thị trường chiến lược và Chương 5 tiếp cận quản trị thị trường chiến lược toàn cầu của doanh nghiệp.
25	Quan hệ lao động	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về quan hệ lao động, quan hệ lao động lành mạnh; Quản lý nhà nước về quan hệ lao động; Kiến thức và kỹ thuật nhận diện, thực hành và giải quyết: đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng trong quan hệ lao động, tranh chấp lao động và đình công.
26	Quản trị thực hành trách nhiệm xã hội	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực bậc thạc sĩ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: tổng quan về thực hiện trách nhiệm xã hội, hoạch định thực hành trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hành trách nhiệm xã hội, đánh giá, cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông và công bố thực hiện trong quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.

27	Quản trị rủi ro tài chính	Nội dung của học phần Quản trị rủi ro tài chính bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị rủi ro tài chính dưới góc nhìn của doanh nghiệp phi tài chính; quản trị rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro lãi suất; quản trị rủi ro hối đoái.
28	Kế toán quản trị nâng cao	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về: Các quan điểm về kế toán quản trị trên phương diện bản chất, xu hướng phát triển, nguyên tắc tổ chức KTQT và các yếu tố ảnh hưởng; Các phương pháp kế toán quản trị chi phí truyền thống, hiện đại; kiểm soát chi phí trong kế toán quản trị; kế toán quản trị cho việc ra quyết định trong doanh nghiệp và các tình huống ứng dụng thực tế kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
29	Chuyên đề thực tế 1	Chuyên đề thực tế thiết kế các nội dung thực tiễn kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước, các thay đổi về chính sách, pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, các kinh nghiệm thực tiễn trong quản trị nhân lực, quản trị tài chính của các doanh nghiệp
30	Chuyên đề thực tế 2	Chuyên đề thực tế bao gồm các nội dung thực tiễn về quản trị bán hàng và quản trị vận hành trong các doanh nghiệp; Ngoài ra, chuyên đề cũng lựa chọn một trong số các nội dung quản trị có tính chuyên biệt để nghiên cứu bao gồm: khởi sự kinh doanh, quản trị dịch vụ, quản trị chất lượng, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị thương hiệu, truyền thông, quản trị quan hệ lao động, quản trị dự án và đầu tư, quản trị rủi ro tài chính, quản trị thị trường chiến lược, quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.
31	Thực tập	Tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị của đơn vị khảo sát. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động kinh doanh và quản trị của đơn vị khảo sát để đề xuất hướng dự án tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
32	Đề án tốt nghiệp	Học phần này giúp người học vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để hoàn thành một đề án cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh tại đơn vị khảo sát và thuyết trình và bảo vệ dự án trước hội đồng chấm đề án. Người học sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để phân tích và đánh giá thực trạng một vấn đề cụ thể trong kinh doanh và quản trị của đơn vị khảo sát. Từ đó, xây dựng các kiến nghị và đề xuất có tính khả thi để khắc phục những hạn chế trong kinh doanh và quản trị của đơn vị khảo sát.

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời gian áp dụng: Áp dụng cho khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2025.
- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 1,5 - 02 năm, mỗi năm có 2 học kỳ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Người học nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, người học có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Nội dung cần đạt, phương pháp giảng dạy, phân bố thời lượng (giảng dạy, thảo luận/thực hành/tự học), và đánh giá được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

HIỆU TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN QTKD



PGS.TS Nguyễn Hoàng

TS. Trần Thị Hoàng Hà

**Phụ lục: Danh mục các ngành đại học được coi là phù hợp với ngành đào tạo
trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Nhóm 1 Các ngành/CTĐT không phải học bổ sung (gồm ngành đúng, ngành gần với ngành đăng kí dự tuyển)	+ Ngành đào tạo ở trình độ đại học đúng tên ngành QTKD (7340101) + Ngành đào tạo ở trình độ đại học là ngành gần thuộc nhóm Kinh doanh - quản lý (mã ngành 73401) được quy định trong Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo + Các ngành đào tạo của trường Đại học Thương mại cấp bằng từ 2016 tới nay có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT QTKD trình độ đại học của trường ĐHTM. Bao gồm: Quản lý kinh tế, Quản trị khách sạn, Logistics, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị nhân lực
Nhóm 2 Các ngành/CTĐT phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào cần thiết cho ngành đăng ký dự tuyển	Bao gồm các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 nhưng trong chương trình đào tạo phải có 2 trong các môn học sau (1) Kinh tế chính trị/Kinh tế chính trị MLN/Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN (2) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý. (3) Các học phần Quản trị/Quản lý/Kinh doanh/Kinh tế (các học phần có từ “quản trị”, “quản lý”, “kinh doanh”, “Kinh tế” đứng đầu)